TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG MỸ** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/DS-ST
Ngày: 28 – 9 – 2021
V/v: Tranh chấp tiền hụi và hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thừa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Minh Thật

2. Ông Lam Minh Tâm

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Mạch Văn Hiểu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 169/2020/TLST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp tiền hụi và hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2021/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Võ Thị T, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn Nhàn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp N, xã T, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang (văn bản ủy quyền ngày 08/6/2020).

- *Bị đơn:* Ông Dương Văn C, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp M, xã P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị L; cư trú tại: Ấp M, xã P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm L, sinh năm 1988; cư trú tại: Ấp M, xã P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

2. Bà Lê Thị L; cư trú tại: Ấp M, xã P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

3. Bà Võ Thị Bé H, sinh năm 1975; cư trú tại: Ấp M, xã P, huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

- *Những người có mặt tại phiên tòa:* Võ Thị T.

- *Những người vắng mặt tại phiên tòa:* Dương Văn C, Trần Thị L, Nguyễn Thị Cẩm L, Lê Thị L, Võ Thị Bé H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn N trình bày:

Do chỗ quen biết nên bà có cho ông Dương Văn C và bà Trần Thị L tham gia dây hụi mùa 3.000.000đ, mở ngày 29/01/2017 âm lịch, dây hụi có 12 phần; ông C, bà L tham gia 01 phần và hốt lần khui hụi đầu tiên được số tiền 15.450.000đ. Sau đó đóng hụi chết được 07 lần, còn nợ lại 04 lần với số tiền 12.000.000đ.

Ngoài ra vào ngày 01/12/2018, bà có cho ông Dương Văn C và bà Trần Thị L vay số tiền vốn 80.000.000đ, thỏa thuận lãi suất là 10%/tháng, mỗi tháng trả 5.000.000đ tiền gốc và trả lãi trên số tiền nợ gốc, trả cho đến khi hết nợ; lúc vay có làm biên nhận cho ông C ký tên. Nhưng từ khi cho vay đến nay ông C và bà L không trả tiền gốc cũng như tiền lãi cho bà. Mặc dù bà nhiều lần yêu cầu nhưng ông C, bà L cứ hứa hẹn mà không thực hiện trả nợ.

Nay bà yêu cầu ông Dương Văn C và bà Trần Thị L trả cho bà số tiền hụi

còn nợ 12.000.000đ, không yêu cầu tính lãi đối với tiền hụi. Đồng thời yêu cầu ông C, bà L trả số tiền vay còn nợ vốn 80.000.000đ; yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2018 đến ngày 15/4/2021 mức lãi suất là 4%/tháng với số tiền lãi là 13.120.000 đồng và không yêu cầu tính lãi tiếp.

Tại phiên tòa, bà Võ Thị T chỉ yêu cầu ông C, bà L trả số tiền hụi nợ 12.000.000đ, trả 80.000.000đ tiền vay; không yêu cầu tính lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Dương Văn C trình bày: Ông thừa nhận vợ chồng ông còn nợ của ông N, bà T tiền hụi 12.000.000đ. Còn đối với số tiền nợ 80.000.000đ thì đây là tiền hụi trước đây ông có tham gia chơi hụi và còn nợ của bà T chưa trả. Đến ngày 01/12/2018 thì bà T có yêu cầu ông ký vào biên nhận nợ vay với số tiền 80.000.000đ, ông cũng đồng ý ký vì nghĩ chỗ bà T đã giúp đỡ ông nhiều lần. Số tiền chơi hụi do hai vợ chồng tôi cùng sử dụng chung cho gia đình. Nay ông đồng ý trả 12.000.000đ tiền nợ hụi; đối với số tiền 80.000.000đ mà bà T cho rằng hỏi vay thì ông không đồng ý trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L (vợ ông Dương Văn C) đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên không ghi nhận được ý kiến.

Những người làm chứng Nguyễn Thị Cẩm L, Lê Thị L, Võ Thị Bé H cùng trình bày: Có cùng tham gia chơi hụi do bà T làm chủ; nhưng không biết việc ông C có nợ hụi hay tiền vay của bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông C, bà L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do; những người làm chứng vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 229, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Quá trình giải quyết vụ án, ông C thừa nhận có nợ tiền hụi của bà T 12.000.000đ và đồng ý trả số tiền hụi này. Đối với số tiền nợ 80.000.000đ, ông C thừa nhận có ký tên vào biên nhận nợ vay nhưng cho rằng đây là số tiền nợ hụi trước đó chứ không phải tiền vay nên không đồng ý trả. Việc thừa nhận của ông C là chứng cứ không cần phải chứng minh; ông C cho

rằng số tiền nợ 80.000.000đ là tiền nợ hụi nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông C, bà L phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hụi 12.000.000đ và số tiền vay 80.000.000đ; tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Về án phí, buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Các đương sự tranh chấp với nhau về số tiền hụi và số tiền đã cho vay nhưng chưa thanh toán. Xác định đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp tiền hụi và hợp đồng vay tài sản". Căn cứ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

[2]. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do; những người làm chứng vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 229, 233 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt họ nhưng vẫn đảm bảo quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1]. Ông Dương Văn C và bà Võ Thị T cùng trình bày thống nhất đối với số tiền hụi còn nợ 12.000.000đ; ông C đồng ý trả số tiền nợ này theo yêu cầu của bà T. Căn cứ Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "...Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, vản bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh...". Do đó, đây là tình tiết không phải chứng minh nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3.2]. Đối với số tiền 80.000.000đ các bên trình bày không thống nhất và tiếp tục phát sinh tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án, bà Tươi có cung cấp chứng cứ là tờ "Biên nhận v/v nhận tiền vay" lập ngày 01/12/2018, có thể hiện

chữ ký người nhận tiền là ông Dương Văn C. Theo nội dung biên nhận thì số tiền 80.000.000đ là số tiền ông C hỏi vay của bà T, ông N; có thỏa thuận cụ thể mức lãi suất 10%/tháng, cách thức thanh toán là trả mỗi tháng 5.000.000đ vốn và lãi phát sinh. Ông C cũng thừa nhận có ký tên vào biên nhận nhưng ông cho rằng đây là số tiền nợ hụi trước đó, vì nghĩ tình vợ chồng bà T giúp đỡ vợ chồng ông nhiều lần nên mới ký biên nhận với nội dung là tiền vay. Lời trình bày của ông C không được bà T thừa nhận, ông C cũng không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh đây là số tiền nợ hụi. Căn cứ Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "…Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc…". Do đó, tài liệu chứng cứ mà bà T đã giao nộp là cơ sở để Tòa án chấp nhận xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên có cơ sở xác định số tiền 80.000.000đ là số tiền vợ chồng ông C, bà L hỏi vay của vợ chồng bà T, ông N.

[3.5]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc tính lãi đối với hợp đồng vay số tiền 80.000.000đ: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 01/12/2018 đến ngày 15/4/2021 với mức lãi suất là 4%/tháng bằng số tiền lãi là 13.120.000 đồng và không yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh. Tại phiên tòa, nguyên đơn rút yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ vay 80.000.000đ. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi.

[4]. Do đó, có căn cứ buộc ông Dương Văn C, bà Trần Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị T số tiền hụi 12.000.000đ; tiền vốn vay 80.000.000đ.

[5]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông Dương Văn C, bà Trần Thị L phải chịu 4.600.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Từ những nhận định nêu trên, có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 228, 229, 233, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 357, 463, 466, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị T.

2. Buộc ông Dương Văn C, bà Trần Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị T tổng số tiền còn nợ 92.000.000đ (chín mươi hai triệu đồng); trong đó, tiền nợ hụi 12.000.000đ (mười hai triệu đồng), tiền nợ vay 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

3. Về án phí: Ông Dương Văn C, bà Trần Thị L phải chịu 4.600.000đ (bốn triệu sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn N, bà Võ Thị T được nhận lại 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu tiền số 0006617 lập ngày 24/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Long Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Long Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Ngô Thừa